

Số: 36 /2020/HNGĐ-ST.

Ngày 30-11-2020

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lạc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Đình Đức.

2. Ông Nguyễn Duy Việt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Văn Tứ – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987 ( Có mặt )

Địa chỉ: Khu 1, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ

2-Bị đơn: Anh **Ngô Hữu P**, sinh năm 1976 ( Vắng mặt )

Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông **Ngô Văn K**, sinh năm 1947 ( Vắng mặt )

Bà **Vũ Thị C**, sinh năm 1957 ( Vắng mặt )

Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:***

Chị kết hôn với anh P ngày 04/6/2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau kết hôn vợ chồng ở tại khu 3 xã H, huyện H cùng gia

đình anh P. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh P thường xuyên rượu chè, đánh chửi vợ con. Đến tháng 02/2020 mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ đó, đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai chung là cháu: Ngô Hoàng P, sinh ngày 26/5/2005 và Ngô Yến C, sinh ngày 16/8/2009. Hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 02 thửa đất thổ cư gồm:

-Thửa đất số: 200-3, tờ bản đồ: 38, diện tích 420 m<sup>2</sup>, tại Khu 3, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. ( Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành BB550112, số vào sổ CH 00006 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 17/5/2010, đứng tên chủ hộ Ngô Hữu P ).

- Thửa đất số: 477-4, tờ bản đồ: 12, diện tích 90 m<sup>2</sup>, tại khu 8, xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ. ( Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành BX 023913, số vào sổ CH 00542 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 17/8/2015, đứng tên chủ hộ Trần Thị N ).

Ngoài ra vợ chồng còn có 08 thửa đất lúa và 03 thửa đất cây lâu năm tại khu 3 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận số phát hành BB 550122, số vào sổ CH 00007 cấp ngày 17/5/2010, đứng tên chủ hộ Ngô Hữu P).

Hiện trên thửa đất diện tích 420m<sup>2</sup> tại khu 3 xã H, huyện H, tỉnh Phú thọ có các công trình xây dựng đã được Tòa án thẩm định gồm:

- 01 ngôi nhà xây cấp 4 (02 gian phòng khách, 02 gian phòng ngủ ) lợp bờ lô xi măng diện tích 60 m<sup>2</sup>.

- 01 nhà bếp xây cấp 4, 3 gian lợp bờ lô xi măng diện tích 20 m<sup>2</sup> + khu vệ sinh khép kín

- 01 sân bê tông 40 m<sup>2</sup>, mái tôn, cột sắt

- Khu rửa bát sân bê tông 15 m<sup>2</sup>, cột bê tông, mái lợp bờ lô xi măng

- Hàng rào lưới B 40: 15m<sup>2</sup>

- Hàng rào gạch bê tông: 26,25 m<sup>2</sup>

- Cổng đi khung sắt, lưới B40 4,8m<sup>2</sup>

Các công trình xây dựng trên thửa đất là do bố mẹ chồng là ông Ngô Văn K và bà Vũ thị C cùng vợ chồng xây dựng. Quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu giải quyết về tài sản chung, tuy nhiên tại phiên tòa chị xin rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, cho vay chung và công sức đóng góp: Chị xác định vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay gì; không có công sức đóng góp, chị không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai và buổi hòa giải tại Tòa án, anh P trình bày:***

Anh kết hôn với chị N ngày 04/6/2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Ngay sau kết hôn vợ chồng ở với gia đình anh tại khu 3 xã H, huyện H. Năm 2011 chị N đi xuất khẩu lao động đến đầu năm 2020 mới về. Chị N xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung : Anh xác định vợ chồng có hai chung là cháu: Ngô Hoàng P, sinh ngày 26/5/2005 và Ngô Yến C, sinh ngày 16/8/2009. Nếu ly hôn đặt ra, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Còn theo nguyện vọng của các cháu, ở với bố hay mẹ, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có một thửa đất thổ cư tại khu 8 xã A, huyện H. Thửa đất tại khu 3 xã H là do bố mẹ anh cho vợ chồng nhưng nay bố mẹ anh đòi lại. Nếu ly hôn đặt ra, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với thửa đất ở khu 8 xã A, huyện H và trả lại mảnh đất cùng toàn bộ các tài sản khác ở khu 3, xã H, huyện H cho bố mẹ đẻ anh.

Về vay nợ, tài sản cho vay chung, công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Ông Ngô Văn K và bà Vũ Thị C ( bố mẹ đẻ anh P) trình bày: Sau khi anh P và chị N kết hôn , vợ chồng ông có cho một thửa đất thổ cư diện tích 420m<sup>2</sup> tại khu 3 xã H, huyện H, ông là người trực tiếp làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh P và chị N. Năm 2014, binh đoàn Trường Sơn có hỗ trợ cho ông số tiền 50.000.000đ để xây nhà và ông đã vay mượn thêm để xây một ngôi nhà cùng các công trình khác trên thửa đất của anh chị N, P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 ông xác định cho anh P và chị N đất để ở và sinh sống, nay anh chị ly hôn ông không cho bất cứ tài sản gì, đây là tài sản của ông. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2020, ông K, bà C xác định thửa đất diện tích 420m<sup>2</sup> mà ông bà đã cho là tài sản chung của vợ chồng anh chị N, P, ông bà không đòi lại thửa đất trên. Ngoài ra ông K, bà C xác nhận vợ chồng anh chị N, P còn có đất ruộng, đất cây lâu năm do ông bà cho và vợ chồng mua thêm đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tình trạng hôn nhân của anh P, chị N, ông bà không mong muốn việc ly hôn xảy ra. Trong trường hợp chị N kiên quyết giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị N.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa khẳng định quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, điều 58,81, 82, 83 Luật HNGĐ; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 218; khoản 2

điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Ngô Hữu P.

2- Về con chung: Giao chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Ngô Hoàng P, sinh ngày 26/5/2005 và Ngô Yến C, sinh ngày 16/8/2009 kể từ tháng 12/2020 đến khi hai cháu thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

3- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tài sản chung của chị N.

4- Về nợ chung, cho vay chung và công sức đóng góp: chị N, anh P xác định không có, không đặt ra giải quyết.

5- Về án phí LHST: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí giải quyết về tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm việc, thông báo các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, chị N, anh P đều có mặt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Các bên đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án, TAND huyện Hạ Hòa đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P kết hôn ngày 04/6/2004 hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị N kiên quyết xin ly hôn, anh P xin đoàn tụ. Xét thấy: Theo trình bày của nguyên đơn thì trong khoảng thời gian chung sống giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân chủ yếu là do anh P. Trong những lần làm việc tại Tòa án, anh P không có ý kiến phản đối gì đối với những nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do chị N đã đưa ra. Điều đó thể hiện vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là có. Tuy nhiên đến thời điểm tháng 02/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn và đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Chị N và hai con chung về ở tại xã A, huyện H

cùng với bố mẹ đẻ, anh P ở tại xã H, huyện H. Qua xác minh, đại diện đoàn thể và chính quyền xã H, huyện H xác nhận anh chị N, P thực tế đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ và cháu nhỏ. Đại diện gia đình anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị N nếu chị N kiên quyết xin ly hôn. Việc anh P xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin được đoàn tụ, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bản thân anh P không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, không thể hiện sự quan tâm, chăm sóc đến hạnh phúc gia đình. Điều đó được thể hiện bằng việc anh P có đến Tòa án để giải quyết nhưng sau đó không hợp tác mặc dù đã được triệu tập. Do vậy, việc anh P xin đoàn tụ là không có căn cứ, không thật tâm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cần xử cho chị N được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng như hiện nay.

[3] Về con chung: Chị N, anh P đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Hoàng P, sinh ngày 26/5/2005 và Ngô Yến C, sinh ngày 16/8/2009. Hiện hai cháu đang ở với chị N. Ly hôn, chị N xin nuôi cả hai cháu. Anh P có quan điểm các cháu ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Hiện anh P làm nghề tự do thường xuyên phải đi làm xa không có điều kiện trực tiếp để nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày, các cháu hiện nay có cuộc sống ổn định với chị N và hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị N. HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu kể từ tháng 12/2020 cho đến khi từng cháu thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Việc chị N xin rút yêu cầu giải quyết tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản của chị N. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị N và anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí LHST: Chị N phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng ). Hoàn trả cho chị N số tiền tạm ứng án phí 500.000đ ( Năm trăm nghìn đồng ). Các đương sự có quyền kháng cáo.

*Vì các lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, điều 58,81, 82, 83 Luật HNGĐ; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 218; khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Ngô Hữu P.
2. Về con chung: Giao chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu: Ngô Hoàng P, sinh ngày 26/5/2005 và Ngô Yến C, sinh ngày 16/8/2009 kể từ tháng 12/2020 đến khi từng cháu thành niên. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Chị N, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Chị N và các thành viên trong gia đình không ai được ngăn cản việc anh P thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung của chị Trần Thị N. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí LHST: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002274 ngày 05/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. (Xác nhận chị N đã nộp đủ).

Hoàn trả cho chị Trần Thị N số tiền 500.000đ ( năm trăm nghìn đồng ) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002425 ngày 14/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị N có mặt có quyền kháng cáo; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H;
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Lạc**